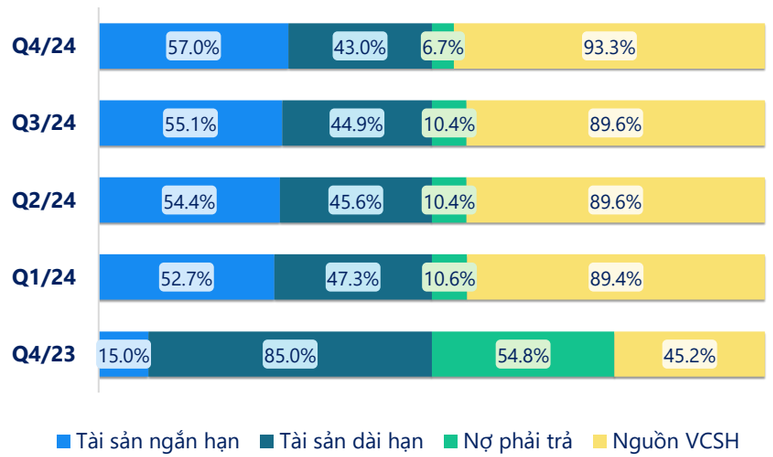
FireAnt

# CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

| Thông tin giao dịch | 31/12/2024 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 4,550 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 6,160 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 4,410 |
| SL cổ phiếu LH | 32,191,624 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 45,590 |
| % sở hữu nước ngoài | 0.8% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 146 |
| P/E | 7.6 |
| EPS | 600 |

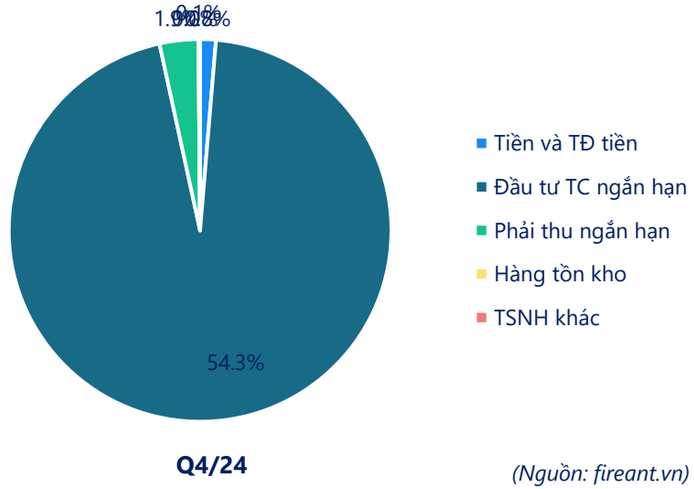
| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| PTC | | -1.9% | -10.8% | -15.9% |
| VNINDEX | | 2.1% | -0.2% | -1.3% |

## Cơ cấu Tổng tài sản



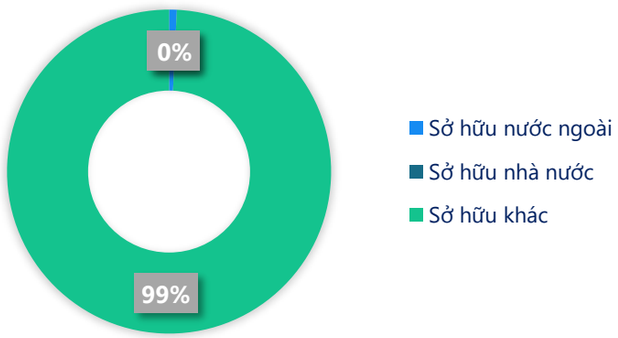

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



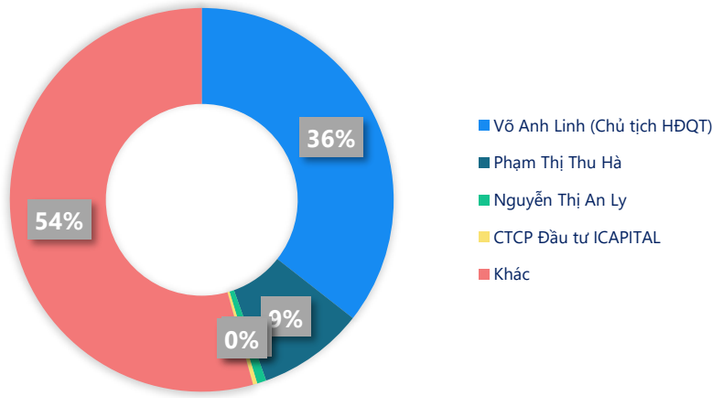

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu



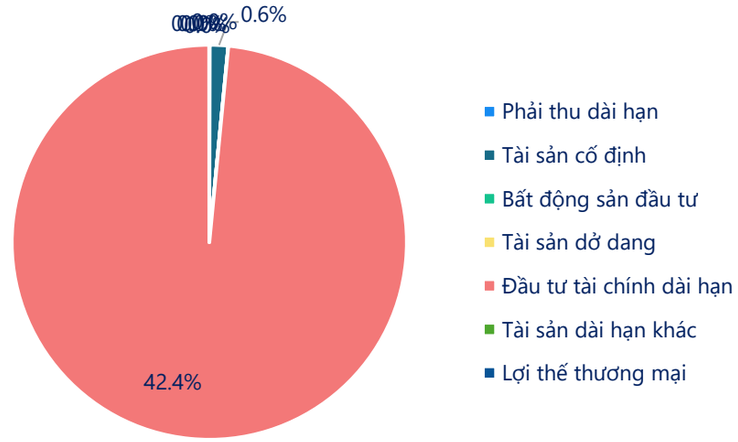

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

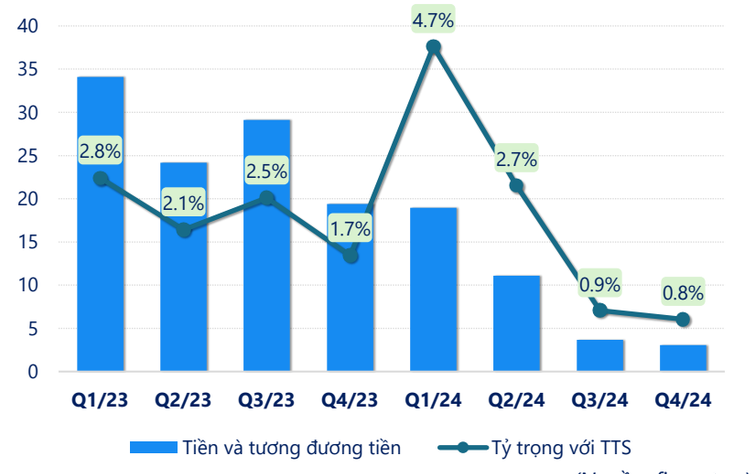



*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

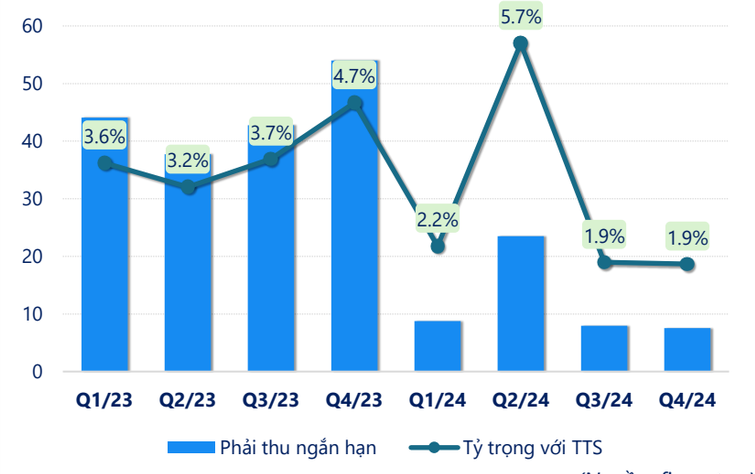
# CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

## Tiền và tương đương tiền



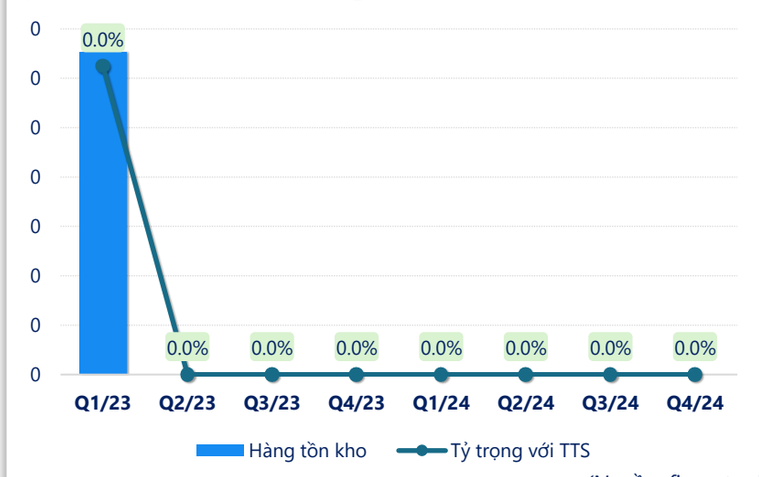

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn



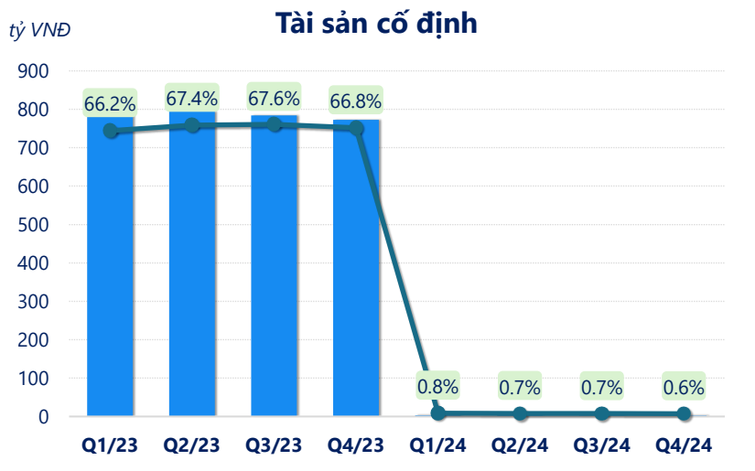

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho



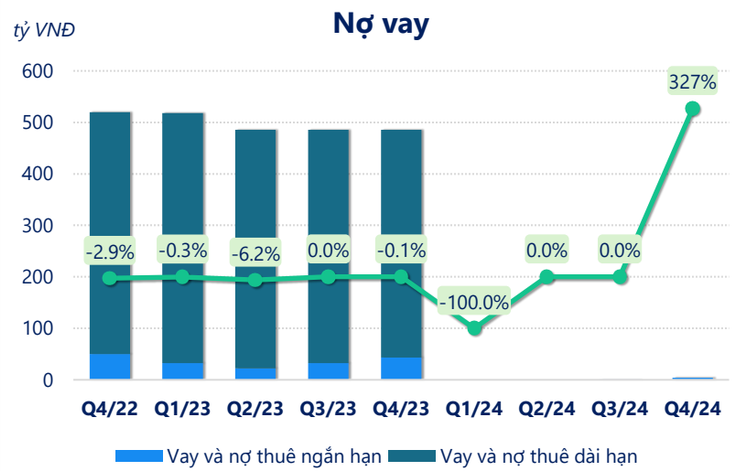

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định



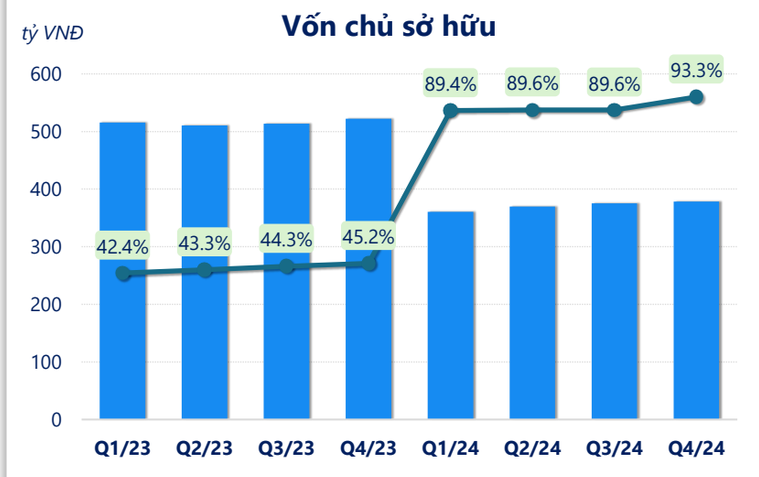

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vốn chủ sở hữu



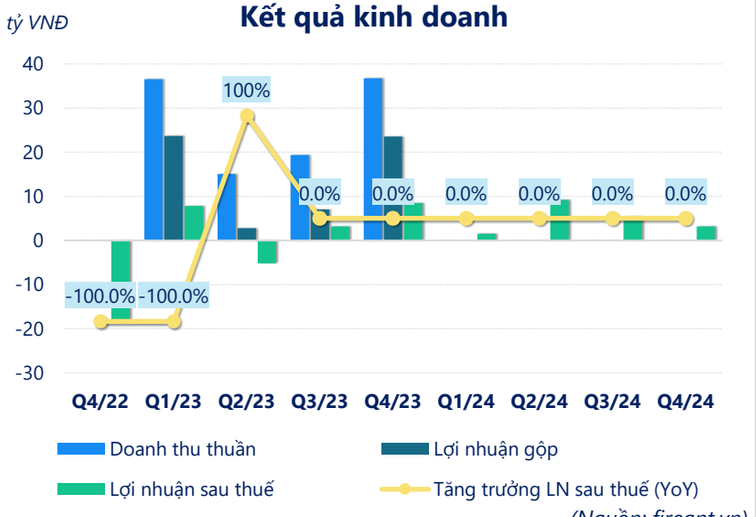

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

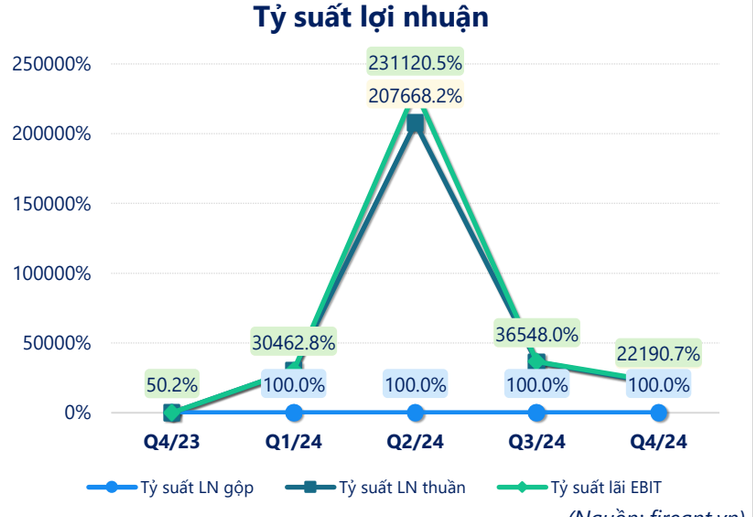
# CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

## Kết quả kinh doanh



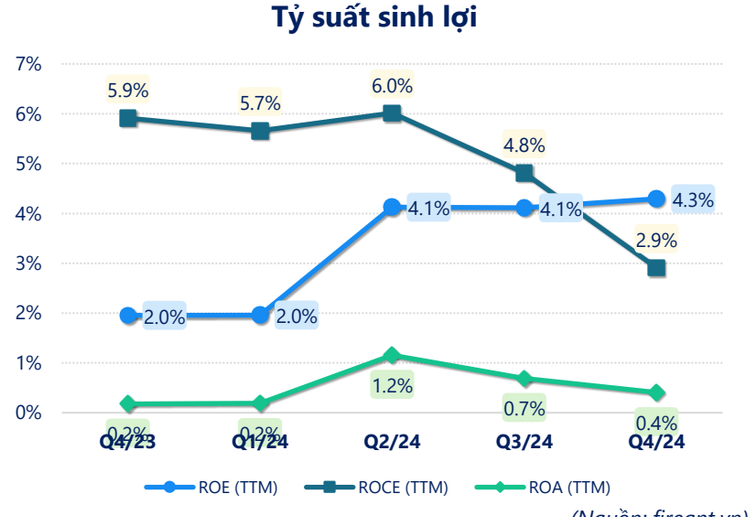

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận



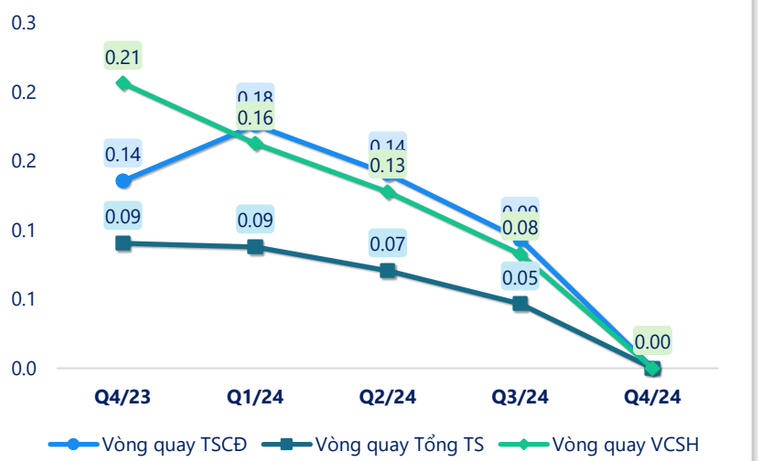

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



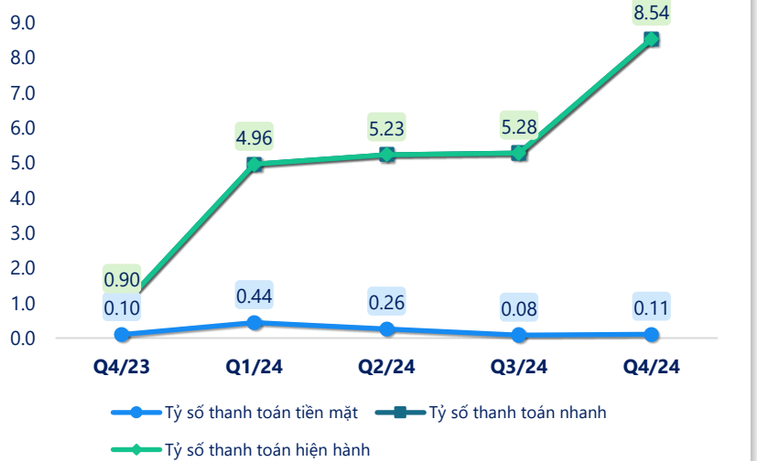

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



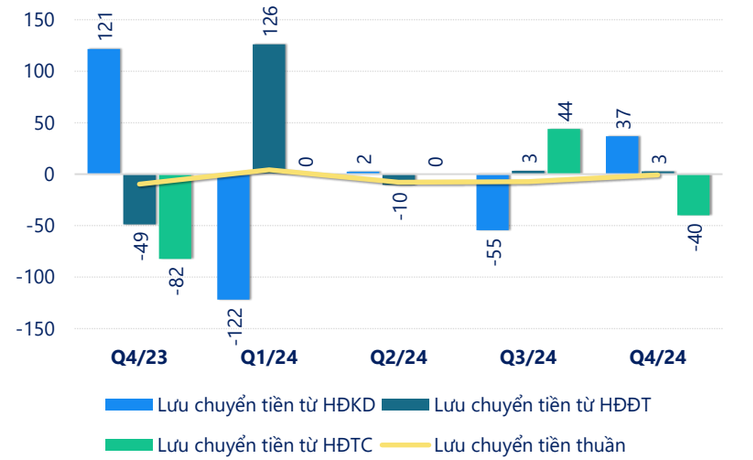

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền




*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ) | Tại ngày 31/12/2024 | Tại ngày 31/12/2023 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **405** | **1,156** | **-64.9%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 231 | 173 | 33.2% |
| Tiền và tương đương tiền | 3.07 | 37.4 | -91.8% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 220 | 81.5 | 170% |
| Phải thu ngắn hạn | 7.57 | 54.0 | -86.0% |
| Hàng tồn kho | 0 | 0 | |
| Tài sản ngắn hạn khác | 0.31 | 0.39 | -21.9% |
| **Tài sản dài hạn** | **174** | **983** | **-82.3%** |
| Phải thu dài hạn | 0.06 | 0.06 | 5.7% |
| Tài sản cố định | 2.63 | 773 | -99.7% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 0 | 0 | |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 172 | 130 | 32.3% |
| Tài sản dài hạn khác | **0.01** | **0.02** | **-37.0%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 80.1 | -100% |
| **Nợ phải trả** | 27.0 | 634 | -95.7% |
| **Nợ ngắn hạn** | **27.0** | **192** | **-85.9%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 3.77 | 43.3 | -91.3% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 0.43 | 124 | -99.7% |
| **Nợ dài hạn** | 0 | 442 | -100% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 0 | 442 | -100% |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **378** | **522** | **-27.5%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **378** | **522** | **-27.5%** |
| Vốn điều lệ | 323 | 323 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q4/23 | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 36.7 | 0.01 | 0.00 | 0.02 | 0.02 |
| Giá vốn hàng bán | 13.2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Lợi nhuận gộp** | 23.5 | 0.01 | 0.00 | 0.02 | 0.02 |
| Doanh thu HĐTC | 1.83 | 1.42 | 13.5 | 7.39 | 3.36 |
| Chi phí TC | 11.6 | -0.81 | 4.11 | 0.63 | -0.78 |
| **Chi phí lãi vay** | 9.99 | 0 | 0.01 | 0.03 | 0.17 |
| LN trong công ty LKLD | -0.25 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí QLDN | 4.54 | 0.72 | 1.12 | 1.31 | 1.00 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 9.01 | 1.52 | 8.27 | 5.46 | 3.16 |
| Lợi nhuận khác | -0.54 | 0 | 0.92 | -0.01 | 0 |
| **LN trước thuế** | 8.47 | 1.52 | 9.19 | 5.45 | 3.16 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 8.47 | 1.52 | 9.19 | 5.45 | 3.16 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 2.11 | 1.52 | 9.19 | 5.45 | 3.16 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ) | Q4/23 | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | 121 | -122 | 2.46 | -54.6 | 36.7 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -48.7 | 126 | -10.3 | 3.35 | 2.75 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | -82.5 | 0 | 0 | 43.8 | -40.1 |
| Tiền đầu kỳ | 29.1 | 14.7 | 19.0 | 11.1 | 3.69 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **-9.71** | **4.24** | **-7.87** | **-7.40** | **-0.62** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền cuối kỳ | 19.4 | 19.0 | 11.1 | 3.69 | 3.07 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic